

Số: 33/2024/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan đến việc xác định diện tích đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 cho mỗi hộ gia đình, cá nhân

1. Hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 được quy định như sau:

a) Đối với các phường thuộc thành phố và thị xã, hạn mức công nhận đất ở là 300m².

b) Đối với các xã thuộc thị xã và các thị trấn thuộc huyện, hạn mức công nhận đất ở là 350m².

c) Đối với các xã thuộc huyện hạn mức công nhận đất ở là 500m².

2. Hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được quy định như sau:

a) Đối với các phường thuộc thành phố và thị xã, hạn mức công nhận đất ở là 200m².

b) Đối với các xã thuộc thị xã và các thị trấn thuộc huyện, hạn mức công nhận đất ở là 250m².

c) Đối với các xã thuộc huyện, hạn mức công nhận đất ở là 300m².

3. Diện tích đất ở được công nhận tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải cùng một thửa đất và không vượt quá diện tích thửa đất có đất ở và đất khác mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng.

4. Mỗi hộ gia đình, cá nhân có thửa đất có đất ở và đất khác chỉ được công nhận là đất ở một lần tại nơi cư trú.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

2. Bãi bỏ Điều 4 Quy định về hạn mức giao đất ở mới; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao gắn liền với nhà ở; điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất, diện tích tối thiểu được tách thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Phòng KTNV;
- Lưu: VT, 44. KTNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệt